

Môn học : Tiếng Thái B1.1

Mã môn học: FLF1907B 1

Khoa Bộ môn NN&VH Đông Nam Á

Ngày thi: 02/06/23

Ca 1

Phòng thi: 703-A2

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	CHỮ KÝ	ĐIỂM	GHI CHÚ
1	21040523	Quách Đỗ Phương Anh	20/10/2003	QH.2021.F.1.E15.SP			
2	22040018	Nguy Thị Bảo Châu	11/04/2004	QH.2022.F.1.J1.SP			
3	21041703	Bùi Thị Hương Giang	11/02/2003	QH.2021.F.1.A1.NN			
4	22040683	Nguyễn Thị Thúy Hiền	30/7/2004	QH.2022.F.1.E3.NN			
5	22040284	Võ Lê Hiền Hòa	03/04/2004	QH.2022.F.1.E12.NN5			
6	22040010	Đỗ Thị Minh Huế	02/01/2004	QH.2022.F.1.E2.SP			
7	21041134	Vũ Minh Huyền	22/03/2003	QH.2021.F.1.R2.NN			
8	20041304	Nguyễn Ngọc Linh	30/04/2002	QH.2021.F.1.E18.SP			
9	20040699	Phạm Phương Linh	16/02/2002	QH2019.F.1.E26.NN23			
10	21040724	Nguyễn Minh Lý	19/01/2003	QH.2021.F.1.E18.SP			
11	19040675	Trần Thị Minh Lý	03/03/2001	QH.2019.F.1.G4.PD			
12	20040831	Dương Ngọc Nam	21/12/2002	QH2019.F.1.E26.NN23			
13	22040234	Lò Thị Kim Ngân	30/12/2003	QH.2022.F.1.J1.SP			
14	22040288	Nguyễn Minh Ngọc	09/10/2004	QH.2022.F.1.E17.NN5			
15	22040628	Nguyễn Thị Bích Ngọc	24/12/2003	QH.2022.F.1.E3.NN			
16	22040529	Tạ Thị Trang Nhung	21/06/2004	QH.2022.F.1.E3.NN			
17	22040105	Lý Thị Oanh	20/06/2003	QH.2022.F.1.E2.SP			
18	22040741	Phạm Xa Thương	21/06/2003	QH.2022.F.1.E4.NN			

Danh sách này có: 30 sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

Giám thị 1:

Người vào điểm:

Giám thị 2:

Người kiểm tra:

Hà Nội, ngày tháng năm

TRƯỞNG BỘ MÔN